TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-ST
Ngày: 27-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết.

2. Ông Lâm Văn Vô.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 316/2019/DSST ngày 15 tháng 10 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường Th, sinh năm: 1994; chức vụ: Nhân viên (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Anh Đ, sinh năm: 1976; địa chỉ: Đường Ng, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần S và bản tự khai của ông Phạm Trường Th là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03 tháng 12 năm 2008, bà Lê Thị Anh Đ có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 70.340.002 đồng (bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn không trăm lẻ hai đồng).

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; bà Đ phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 22, Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt cho đến nay, bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 78.445.007 đồng (bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23 tháng 11 năm 2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 5.386.860 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Sau khi chuyển nợ quá hạn thì bà Đ có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 28 tháng 3 năm 2015, số tiền này sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc 5.386.860 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Đ, yêu cầu bà Đ thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về thời gian để trả nợ nhưng bà Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2020, bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 14.014.543 đồng (mười bốn triệu không trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 4.386.860 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.627.683 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 5.386.860 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng (2,15% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Đ phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2020 là 14.014.543 đồng (mười bốn triệu không trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn là bà Lê Thị Anh Đ đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Phạm Trường Th vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Lê Thị Anh Đ vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bị đơn là bà Lê Thị Anh Đ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 14.014.543 đồng (mười bốn triệu không trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 4.386.860 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.627.683 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn là bà Lê Thị Anh Đ chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Anh Đ thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi còn thiếu phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã thực hiện khởi kiện theo địa chỉ của bà Đ được ghi trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Công an Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin là bà Đ có hộ khẩu thường trú tại đường Ng, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, không rõ đi đâu. Tại văn bản số 721/QLXNC-P5 ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an đã cung cấp thông tin bà Đ đã xuất nhập cảnh 09 lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 28 tháng 4 năm 2018, chưa có thông tin nhập cảnh. Bà Đ thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản

2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Trường Th là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Lê Thị Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03 tháng 12 năm 2008, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) có cơ sở xác định ngày 03 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng cấp cho bà Đ thẻ tín dụng quốc tế số 486265-6046, hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân.

[3.2] Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê thẻ 486265-6046 do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 70.340.002 đồng (bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi ngàn không trăm lẻ hai đồng) và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 78.445.007 đồng (bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm lẻ bảy đồng). Khoản tiền bà Đ thanh toán được áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí/lãi, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí/lãi, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa của kỳ sau, được quy định tại Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 23 tháng 11 năm 2014. Vào thời điểm trên, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 5.386.860 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi đồng) làm nợ gốc và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngày 28 tháng 3 năm 2015, bà Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), sau đó ngừng thanh toán cho đến nay. Số tiền trên được Ngân hàng trừ vào số tiền nợ gốc. Do đó, có cơ sở xác định bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 4.386.860 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi đồng).

[3.3] Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ngân hàng, lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế được áp dụng kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2011 là 2,15%/tháng; lãi suất nợ quá hạn là 3,225%/tháng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Đ phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn tính kể từ ngày 23

tháng 11 năm 2014 cho đến ngày 27 tháng 5 năm 2020 là 9.627.683 đồng (chín triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng) là có cơ sở.

Vì vậy, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị Anh Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng quốc tế số 486265-6046, tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2020 là 14.014.543 đồng (mười bốn triệu không trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 4.386.860 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.627.683 đồng là có sơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

1.1 Buộc bà Lê Thị Anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế số 486265-6046 được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03 tháng 12 năm 2008, tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2020 là 14.014.543 đồng (mười bốn triệu không trăm mười bốn ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: nợ gốc là 4.386.860 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi đồng), lãi quá hạn là 9.627.683 đồng (chín triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020, bà Lê Thị Anh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 700.727 đồng (bảy trăm ngàn bảy trăm hai mươi bảy đồng) do bà Lê Thị Anh Đ chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 317.470 đồng (ba trăm mười bảy ngàn bốn trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0035532 ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo :

Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Lê Thị Anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận F;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Hà Như Oanh